

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2022/HNGĐ-ST

Ngày 29-4-2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mai Vinh

Ông Đỗ Xuân Quyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 50/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Bùi Văn A, nơi cư trú: Thôn Rp, xã TH, huyện TN, thành phố Hải Phòng;

Bị đơn: Chị Nguyễn Thu B; ĐKKHKT: Thôn Rp, xã TH, huyện TN, thành phố Hải Phòng; hiện đang cư trú tại: 113 The River Rd, RB, NSW 2212, Australia.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn là Anh Bùi Văn A trình bày:

Anh A và chị Bùi Thu Hòa kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Trung Hà, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng ngày 21/02/2018. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, sau đó thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm lối sống. Mâu thuẫn căng thẳng và trầm trọng nhất là vào năm 2018 đến nay, chị Nguyễn Thu B đã sang làm ăn, sinh sống tại Australia. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan hệ gì về mặt tình cảm và kinh tế nữa. Hai bên gia đình và bạn bè đã hòa giải nhưng không có kết quả. Nay tình cảm vợ chồng không còn, khả năng hàn gắn, đoàn tụ là không thể

nên Anh A đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thu B.

Về con chung: Anh chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh A và chị Nguyễn Thu B tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn (đã được hợp pháp hóa lãnh sự), bị đơn chị Nguyễn Thu B trình bày như sau:

Chị Nguyễn Thu B và Anh Bùi Văn A kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại UBND xã Trung Hà, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng ngày 21/02/2018. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, sau đó thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm lối sống. Mâu thuẫn ngày càng căng thẳng và trầm trọng, nhất là vào năm 2018 đến nay, chị Nguyễn Thu B đã sang làm ăn, sinh sống tại Australia. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan hệ gì về mặt tình cảm và kinh tế nữa. Hai bên gia đình và bạn bè đã hòa giải nhưng không có kết quả. Nay tình cảm vợ chồng không còn, khả năng hàn gắn, đoàn tụ là không thể. Nên chị B đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Bùi Văn A.

Về con chung: Chị B và Anh Bùi Văn A không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị B và Anh Bùi Văn A tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về việc ly hôn. Bị đơn chị Nguyễn Thu B hiện đang sinh sống tại Úc, nguyên đơn Anh Bùi Văn A sinh sống tại Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn là Anh Bùi Văn A, bị đơn là chị Nguyễn Thu B vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt Anh Bùi Văn A, chị Nguyễn Thu B theo khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn A và chị Nguyễn Thu B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Hà, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng vào ngày 21 tháng 02 năm 2018 là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia

đình. Căn cứ vào lời khai của Anh A và chị B và các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nhận thấy tình cảm giữa hai anh chị không còn, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống và đã ly thân trong một thời gian dài, không còn quan hệ gì về mặt tình cảm và kinh tế. Xét thấy việc thuận tình ly hôn của Anh A và chị B là tự nguyện, hai anh chị đều xác định không còn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn không thể hàn gắn, không có khả năng đoàn tụ. Căn cứ vào Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bùi Văn Thành và chị Nguyễn Thu B.

[4] Về con chung: Anh Bùi Văn A và chị Nguyễn Thu B khai không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Anh Bùi Văn A và chị Nguyễn Thu B tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Bùi Văn A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh Bùi Văn A và chị Nguyễn Thu B được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Bùi Văn A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn A và chị Nguyễn Thu B được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Anh Bùi Văn A và chị Nguyễn Thu B khai không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh Bùi Văn A và chị Nguyễn Thu B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Anh Bùi Văn A phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số

0000306 ngày 16 tháng 3 năm 2022 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Bùi Văn A đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Anh Bùi Văn A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Chị Nguyễn Thu B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã Trung Hà, huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Vân Thúy

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Mạnh Hùng

Vũ Thị Minh Nguyệt

Trần Thị Vân Thúy

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Vân Thúy

